

Bản án số: 09/2019/DS-ST

Ngày 22/11/2019

“V/v Tranh chấp giao dịch dân sự”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Nhỏ.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2019/TLST-DS ngày 25/7/2019 về việc “Tranh chấp giao dịch dân sự” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức S, sinh năm: 1975; Địa chỉ: 04 Lê Hồng Phong, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn A, sinh năm: 1991 và chị Lê Thị L, sinh năm: 1995; Địa chỉ: thôn T, Xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1987; Địa chỉ: 04 Lê Hồng Phong, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 25/7/2019, anh Nguyễn Đức S trình bày: Do quen biết nên anh S có cho vợ chồng anh Trần Văn A và chị Lê Thị L mượn tổng số tiền là 38.900.000đồng, số tiền trên anh S chuyển khoản cho anh A 02 lần vào ngày 03/5/2019. Sau đó anh S có đòi nhiều lần nhưng anh A và chị L không trả, nay anh S yêu cầu Tòa án buộc anh A và chị L phải trả toàn bộ số tiền là 38.900.000đồng.

Tại bản tự khai ngày 30/7/2019 chị Lê Thị L trình bày: Chị L có quen biết với chị Nguyễn Thị N là vợ của anh S, lý do anh S chuyển khoản cho chị L số tiền 38.900.000đồng là do giữa chị L và chị N làm ăn chung với nhau. Trong số tiền 38.900.000đồng chị N có nhờ chị L chuyển cho em ruột chị N 18.000.000đồng, chị N hứa cho chị L 10.000.000đồng, còn lại 10.900.000đồng chị N nhờ chị L cất giữ để mua gốc cây. Sau đó chị L chuyển trả lại cho chị N 7.000.000đồng và hiện tại chị L còn nợ chị N 3.900.000đồng, nên chị L không đồng ý trả lại cho anh S số tiền 38.900.000đồng.

Tại bản tự khai ngày 07/8/2019 anh Trần Văn A trình bày: Anh A không quen biết với anh S nhưng do vợ anh là chị L làm ăn với chị N là vợ anh S, nên anh S có chuyển tiền qua tài khoản của anh A và chị L là người sử dụng tài khoản trên.

Tại bản tự khai ngày 03/9/2019 chị Nguyễn Thị N trình bày: Vợ chồng chị N có cho vợ chồng anh A và chị L mượn 38.900.000đồng, chồng chị N là anh S đã chuyển khoản cho anh A vào ngày 03/5/2019. Sau đó chị L có chuyển cho chị N 7.000.000đồng, hiện tại anh A và chị L còn nợ vợ chồng anh S và chị N số tiền là 31.900.000đồng.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 sổ hộ khẩu của ông Nguyễn Đức S; 02 chứng từ giao dịch ngày 03/5/2019; 01 bản tự khai của ông Nguyễn Đức S.

Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp gồm: 02 giấy chứng minh nhân dân của ông Trần Văn A và bà Lê Thị L; 02 bản tự khai của bà Lê Thị L, 01 bản tự khai của ông Trần Văn A; 01 giấy biên nhận chuyển tiền ngày 27/5/2019.

Các tài liệu, chứng cứ do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp: 01 giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị N; 01 bản tự khai của bà Nguyễn Thị N ngày 3/9/2019; 01 bản tự khai của bà Nguyễn Thị N ngày 7/10/2019; 01 bản tự khai của bà Nguyễn Thị N ngày 22/10/2019; 01 giấy ủy quyền ngày 21/10/2019; 04 giấy không tiêu đề có nội dung ghi lại cuộc nói chuyện.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/10/2019 giữa các bên đương sự đã thống nhất được những vấn đề giải quyết trong vụ án như sau:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị N cùng với bị đơn anh A và chị L thống nhất anh A và chị L còn nợ anh S số tiền là 13.900.000đồng.

Về phương án trả nợ:

Chị N cùng với bị đơn anh A và chị L thống nhất thỏa thuận anh A và chị L có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho anh S số tiền 13.900.000đồng trong thời hạn 02 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 22 tháng 12 năm 2019.

Về án phí: Anh A và chị L tự nguyện liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 347.500đồng.

Giữa các bên thống nhất giải quyết được toàn bộ nội dung vụ án, nên Tòa án lập biên bản hòa giải thành. Ngày 28/10/2019 chị N có đơn không chấp nhận hòa giải nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Đức S có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc anh Trần Văn A và chị Lê Thị L phải trả toàn bộ khoản nợ qua giao dịch dân sự. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Ngày 21/10/2019 anh S ủy quyền cho chị N tham gia tố tụng tại Tòa án, và có xác nhận của chính quyền địa phương nên vụ án được xét xử vắng mặt anh S.

[2] Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của Chị N tại phiên tòa và các chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận vào ngày 03/5/2019 anh S có chuyển vào tài khoản số 5002205096600 của anh A 02 lần với tổng số tiền 38.900.000đồng và cho rằng đó là số tiền cho anh A và chị L mượn của anh S. Nay anh S yêu cầu Tòa án buộc anh A và chị L phải trả lại số tiền 38.900.000đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc anh S chuyển khoản cho anh A số tiền trên là có thật qua 02 chứng từ giao dịch tại Ngân hàng Agribank chi nhánh tỉnh Đắk Nông, ngoài ra anh S không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh anh A và chị L mượn hoặc nợ tiền anh S. Do đó, căn cứ vào 02 chứng từ giao dịch ngày 03/5/2019 để khẳng định giữa anh S và anh A, chị L không có hợp đồng vay mượn tài sản mà đây là một giao dịch dân sự liên quan đến tài sản, được quy định tại Điều 116 và Điều 119 của Bộ luật dân sự.

Xét 02 chứng từ giao dịch ngày 03/5/2019 tại Ngân hàng Agribank chi nhánh tỉnh Đắk Nông thể hiện tại mục thông tin giao dịch “Tài khoản tiền gửi thanh toán KH”. Việc anh S chuyển tiền cho anh A bằng hình thức tiền gửi thanh toán cho khách hàng không có nghĩa là anh A phải nợ anh S số tiền đã chuyển, nên việc anh S cho rằng anh A và chị L nợ anh S số tiền 38.900.000đồng là chưa đủ căn cứ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh A và chị L cho rằng số tiền mà anh S chuyển cho anh A, là tiền làm ăn giữa chị N và chị L. Trong số tiền 38.900.000đồng chị N có nhờ chị L chuyển cho em ruột chị N 18.000.000đồng, chị N hứa cho chị L 10.000.000đồng, còn lại 10.900.000đồng. Sau đó chị L chuyển trả cho chị N 7.000.000đồng (thể hiện qua biên nhận chuyển tiền ngày 27/5/2019) và hiện tại chị L còn nợ chị N 3.900.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị N công nhận chị L có chuyển cho chị N 7.000.000đồng, hiện tại anh và chị L còn nợ vợ chồng chị N số tiền là 31.900.000đồng. Chị N cung cấp cho Tòa án 04 giấy không có tiêu đề, không ngày, tháng, năm, không thể hiện việc anh A và chị L nợ chị N bao nhiêu tiền, nợ tiền gì, vào thời gian nào, chỉ có nội dung ghi lại nhắn tin không dấu. Chị L thừa nhận tin nhắn trên là do chị nhắn cho chị N về việc chị còn nợ chị N số tiền là 3.900.000đồng, nên 04 giấy không có tiêu đề không có cơ sở để chứng minh anh A và chị L nợ tiền anh S, nên không được xem là chứng cứ để chứng minh trong vụ án.

Tại phiên tòa anh A và chị L khai chị N hứa cho chị L 10.000.000đồng và hiện tại chị còn nợ chị N 3.900.000đồng. Tổng cộng 13.900.000đồng, anh A và chị L công nhận nợ anh S và chị N 13.900.000đồng và đồng ý trả số tiền trên, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào việc nhận nợ để buộc anh A và chị L phải trả cho anh S số tiền 13.900.000đồng là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại phiên tòa chị N trình bày đối với số tiền 38.900.000đồng chị N công nhận chị L đã chuyển trả lại cho chị N 7.000.000đồng, số tiền còn lại là 31.900.000đồng chị N đề nghị Tòa án buộc anh A và chị L phải trả cho anh S. Hội đồng xét xử nhận thấy ngoài số tiền 13.900.000đồng mà anh A và chị L công nhận là nợ anh S, không có tài liệu nào để chứng minh anh A và chị L còn nợ anh S 18.000.000đồng vì 02 chứng từ giao dịch ngày 03/5/2019 tại Ngân hàng Agribank chi nhánh tỉnh Đắk Nông thể hiện tại mục thông tin

giao dịch “Tài khoản tiền gửi thanh toán KH” và anh A và chị L không công nhận nợ. Do đó, không có căn cứ để Hội đồng xét xử buộc anh A và chị L phải trả cho anh S số tiền còn lại là 18.000.000đồng.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của anh S. Buộc anh A và chị L phải trả cho anh S số tiền 13.900.000đồng.

Bác một phần yêu cầu của anh S buộc anh A và chị L phải trả số tiền là 18.000.000đồng.

[3] Về án phí: Anh A và chị L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho anh S.

Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116; Điều 119 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức S.

Buộc anh Trần Văn A và chị Lê Thị L phải liên đới trả cho anh Nguyễn Đức S số tiền 13.900.000đồng (mười ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận giữa các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nếu không có sự thỏa thuận thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán.

[2] Bác một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức S về việc buộc anh Trần Văn A và chị Lê Thị L phải trả số tiền 18.000.000đồng (mười tám triệu đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trần Văn A và chị Lê Thị L phải liên đới nộp 695.000đồng (sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Đức S phải chịu 900.000đồng (chín trăm nghìn đồng) tiền án dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả lại cho anh S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 72.500đồng (bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004444 ngày 25/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[3] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 22/11/2019, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Ngọc Bình